

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2023/HC-PT

Ngày 20 - 02 - 2023

*V/v khởi kiện quyết định hành chính*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thái Duy Nhiệm;

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Đình Khánh;

Bà Vũ Thị Thu Hà.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Hải An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Minh Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 20 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 228/2022/TLPT-HC ngày 13/06/2022 về “*Khởi kiện quyết định hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 984/2023/QĐ-PT ngày 03/02/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

**\* Người khởi kiện:**

1. Ông Đỗ Tất A, sinh năm 1958, có đơn xin xét xử vắng mặt;

2. Ông Đỗ Tất A1, sinh năm 1965, vắng mặt;

Đều có địa chỉ tại: Tổ 3B, khu HT, phường DL, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ.

**Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Nguyễn Thành A2, sinh năm 1947, có mặt;

Địa chỉ: Tổ 3B, khu HT, phường DL, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ.

**\* Người bị kiện:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân và UBND thành phố VT, tỉnh Phú Thọ;

**Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Phạm Xuân A3, chức vụ: Phó chủ tịch UBND thành phố VT, vắng mặt.

## 2. Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ;

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Phan Trọng A4, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ, có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Người kháng cáo:* Ông Đỗ Tất A1 và ông Đỗ Tất A.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo hồ sơ vụ án và Bản án sơ thẩm số: 01/2022/HC-ST ngày 24/2/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, nội dung vụ án như sau:*

Ngày 26/6/2012, UBND thành phố VT ban hành Quyết định số: 4776/QĐ-UBND về việc thu hồi 678m<sup>2</sup> đất nông nghiệp của ông Đỗ Tất A (sau đây gọi tắt là Quyết định số 4776); Quyết định thu hồi đất số: 4770/QĐ-UBND về việc thu hồi 251m<sup>2</sup> đất nông nghiệp của ông Đỗ Tất A1 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 4770) để giao Công ty cổ phần tập đoàn VC thực hiện dự án khu nhà ở cao cấp VC.

Trong thời gian từ ngày 30/12/2014 đến ngày 18/4/2018, UBND thành phố VT phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013. Sau khi nhận tiền bồi thường thì ông Đỗ Tất A5, bà Lương Thị A6 (người có đất bị thu hồi) đồng thời nhận ủy quyền của 91 người dân khác (trong đó có ông Đỗ Tất A, ông Đỗ Tất A1), khiếu nại về việc Nhà nước chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi.

Ngày 23/7/2019, UBND thành phố VT ban hành Quyết định số: 1943/QĐ-UBND về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất dự án: Khu nhà ở cao cấp VC tại phường DL, thành phố VT (Đợt 12- Tính lãi suất chậm trả). Theo đó, UBND thành Phố VT đã tính lãi suất chậm trả theo Luật quản lý thuế đối với khoản tiền bồi thường, hỗ trợ chậm chi trả cho 66/93 hộ dân có đất thu hồi; thời gian chậm chi trả tiền bồi thường sau 30 ngày kể từ ngày Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất.

Ông Đỗ Tất A5, bà Lương Thị A6 được 91 người dân (trong đó có ông Đỗ Tất A, ông Đỗ Tất A1) ủy quyền khiếu nại đối với Quyết định số: 1943/QĐ-UBND của UBND thành phố VT, lý do: Yêu cầu phải được tính thời gian chậm chi trả tiền bồi thường sau 30 ngày kể từ ngày UBND thành phố VT ban hành quyết định thu hồi đất năm 2012, theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013.

Ngày 06/5/2020, Chủ tịch UBND thành phố VT ban hành Quyết định số: 1220/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định số 1220). Theo đó, không chấp nhận khiếu nại của ông Đỗ Tất A5, bà Lương Thị A6. Ông A5, bà A6 tiếp tục khiếu nại.

Ngày 07/6/2021, Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số: 1272/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định số 1272) không chấp nhận khiếu nại của ông A5, bà A6, giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số: 1220/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố VT.

Không đồng ý với các quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên, ông Đỗ Tất A, ông Đỗ Tất A1 khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số: 1220/QĐ-UBND ngày 06/5/2020 của Chủ tịch UBND thành phố VT.

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số: 1272/QĐ-UBND ngày 07/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ.

Quá trình giải quyết vụ án, ông A và ông A1 bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu:

- Hủy quyết định số: 1943/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 của UBND thành phố VT.

- Hủy Quyết định thu hồi đất số: 4776/QĐ-UBND ngày 26/6/2012 của UBND thành phố VT về việc thu hồi 678m<sup>2</sup> đất nông nghiệp của hộ ông Đỗ Tất A.

- Hủy Quyết định số: 4770/QĐ-UBND ngày 26/6/2012 của UBND thành phố VT về việc thu hồi 251m<sup>2</sup> đất nông nghiệp của hộ ông Đỗ Tất A1.

*\* Quá trình giải quyết vụ án, ông Đỗ Tất A, ông Đỗ Tất A1 trình bày:*

Theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì dự án Khu nhà ở cao cấp VC không thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất quy định tại Điều 61 và 62 Luật Đất đai năm 2013 và cũng không có văn bản của UBND tỉnh cho phép tiếp tục lập, thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư nên phải thực hiện theo hướng dẫn tại điểm b khoản 4 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP đó là: *“Đối với dự án không đủ điều kiện quy định tại điểm a khoản này thì UBND cấp có thẩm quyền ra quyết định hủy quyết định thu hồi đất và chỉ đạo các tổ chức, cá nhân liên quan phải dừng thực hiện dự án”*.

Số tiền thanh toán thêm thể hiện tại Điều 1 của Quyết định 1943 là không có căn cứ pháp luật (thời gian chậm trả tính từ sau 30 ngày kể từ ngày phê duyệt phương án bồi thường và các hộ dân kèm theo quyết định này không đủ điều kiện được hưởng quyền theo quy định của Luật Đất đai năm 2013). Bởi vì, tại Điều 93 Luật Đất đai năm 2013 quy định rõ: *“1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định thu hồi đất của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có hiệu lực thi hành, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường phải chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi.*

*2. Trong trường hợp cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường chậm chi trả thì khi thanh toán tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi, ngoài tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì người có đất thu hồi còn được thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả”*.

Tuy nhiên, Quyết định 1943/QĐ-UBND xác định thời gian chậm trả được tính bắt đầu từ sau 30 ngày kể từ ngày phê duyệt phương án bồi thường là không có căn cứ pháp luật.

Pháp luật đất đai năm 2013 quy định rất rõ về thời điểm tính thời gian chậm trả là sau 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi đất, chứ không phải là ngày phê duyệt bồi thường. Đây là mâu chốt của vấn đề mà UBND thành phố và UBND tỉnh cố ý ngụy biện để bảo vệ quyền lợi cho nhà đầu tư (Tập đoàn VC) gây thiệt hại cho người dân. Quyết định 1272/QĐ-UBND viện dẫn về nguyên tắc bồi thường quy định tại Nghị định số 197/2004/NĐ-CP đã hết hiệu lực pháp luật và không thuộc phạm vi điều chỉnh để kết luận phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ được tính toán, phê duyệt theo đơn giá tại thời điểm phê duyệt cao hơn giá đất năm 2012, vì vậy quyền lợi của các hộ dân được đảm bảo là không đúng vì họ phải được hưởng quyền lợi theo Luật Đất đai năm 2013 chứ không phải Luật Đất đai năm 2003.

*\* Người bị kiện là UBND thành phố VT, Chủ tịch UBND thành phố VT trình bày:*

Căn cứ Quyết định số: 2991/QĐ-UBND ngày 23/9/2011 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt chi tiết quy hoạch 1/500 dự án: Khu Nhà ở cao cấp VC tại phường DL, thành phố VT; UBND thành phố VT đã có Quyết định số: 4091/QĐ-UBND ngày 15/6/2012, Quyết định số: 1026/QĐ-UBND ngày 26/2/2014, Quyết định số: 3784/QĐ-UBND ngày 25/5/2015, Quyết định số: 6389/QĐ-UBND ngày 24/8/2016, Quyết định số: 2733/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 và Quyết định số: 1086/QĐ-UBND ngày 17/4/2019 của Chủ tịch UBND thành phố VT về việc thành lập Hội đồng, kiện toàn Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án. Ngày 20/06/2012, UBND phường DL phối hợp với chủ dự án và các đơn vị liên quan tổ chức quy chủ sử dụng đất, đo vẽ thửa đất bị thu hồi, lập hồ sơ thu hồi đất, xây dựng lịch kê khai, kiểm đếm, thực hiện việc kiểm đếm về đất và tài sản trên đất của gia đình ông Đỗ Tất A và ông Đỗ Tất A1.

Ngày 26/6/2012, UBND Thành phố ban hành Quyết định số 4770/QĐ-UBND và Quyết định số 4776/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của ông Đỗ Tất A1 và ông Đỗ Tất A. Tại thời điểm triển khai thực hiện dự án, gia đình ông A, ông A1 tuy đã được UBND Thành phố ban hành Quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Theo quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 34, Nghị định số: 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thì trường hợp đã có Quyết định thu hồi đất nhưng chưa có phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được phê duyệt trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì đối với dự án thuộc trường hợp thu hồi đất quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai, chủ đầu tư đủ điều kiện quy định tại Khoản 3, Điều 58 của Luật Đất đai thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép tiếp tục lập, thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Luật Đất đai năm 2013”; theo quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 thì Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái

định cư trong cùng một ngày. Căn cứ hồ sơ kê khai, kiểm đếm của gia đình ông A, ông A1, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án lập phương án bồi thường, hỗ trợ trình phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định trình UBND Thành phố phê duyệt. Ngày 30/12/2014, UBND Thành phố VT ban hành Quyết định số 13790/QĐ-UBND (đợt 1); ngày 31/12/2015 ban hành Quyết định số 1146/QĐ-UBND (đợt 4) về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ ông Đỗ Tất A và ông Đỗ Tất A1; đồng thời đã đôn đốc chủ dự án thực hiện việc chi trả tiền. Tuy nhiên chủ dự án chưa tổ chức chi trả kinh phí đúng thời gian quy định. Đến ngày 17/03/2016 chi trả (đợt 3), ngày 07/12/2017 chi trả (đợt 8) và ngày 05/6/2018 chi trả (đợt 9) cho hộ ông Đỗ Tất A5. Như vậy so với quy định (đợt 3) chậm chi trả 48 ngày, (đợt 8) và (đợt 9) chậm chi trả 19 ngày.

Ngày 16/5/2019, Ban bồi thường GPMB phối hợp với UBND phường DL, Chủ dự án mời ông Đỗ Tất A5 đến làm việc về nội dung đơn đề nghị của ông và đề nghị ông A5 cung cấp những hồ sơ có liên quan.

Căn cứ hồ sơ của ông Đỗ Tất A và Đỗ Tất A1: Công ty cổ phần tập đoàn VC (Chủ dự án) cung cấp, Hội đồng bồi thường hỗ trợ, tái định cư dự án rà soát, đối chiếu với các quy định của Nhà nước và phối hợp với Chi cục thuế VT lập phương án bồi thường, hỗ trợ (Đợt 12- Tính lãi suất trả chậm), trong đó có hộ ông Đỗ Tất A1 và hộ ông Đỗ Tất A trình phòng TN&MT thẩm định trình UBND Thành phố phê duyệt.

Ngày 23/7/2019, UBND thành phố VT ban hành Quyết định số 1943/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất tại dự án: Khu nhà ở cao cấp VC, phường DL, thành phố VT (Đợt 12- Tính lãi suất trả chậm).

Ngày 19/8/2019, Chủ dự án đã tổ chức chi trả tiền cho hộ ông Đỗ Tất A; ông Đỗ Tất A1 và ông A, ông A1 đã nhận đủ tiền theo Quyết định 1943/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 của UBND Thành phố phê duyệt.

Như vậy, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đã tính đúng, tính đủ số ngày trả chậm theo quy định tại Điều 93 của Luật Đất đai năm 2013. Ông Đỗ Tất A, ông Đỗ Tất A1 khởi kiện hủy Quyết định số 1943/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất tại dự án: Khu nhà ở cao cấp VC, phường DL, thành phố VT (Đợt 12- Tính lãi suất trả chậm) và Quyết định số 1220/QĐ-UBND ngày 06/5/2020 về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố là không có căn cứ; UBND và Chủ tịch UBND thành phố VT đề nghị Tòa án nhân dân Tỉnh giải quyết theo quy định.

*\* Người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ trình bày:*

Để thực hiện Dự án Khu nhà ở cao cấp VC tại phường DL, UBND thành phố VT có Thông báo số 395/TB-UBND ngày 15/6/2012 về việc thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân và thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Ngày 26/6/2012, UBND thành phố VT ban hành Quyết định thu hồi đất đến các hộ có đất trong phạm vi dự án.

Căn cứ kết quả kiểm kê, UBND thành phố VT đã ban hành các quyết định phê duyệt phương án BT,HT,TĐC: Từ ngày 30/12/2014 đến ngày 18/4/2018 đã phê duyệt phương án BT,HT,TĐC tại các Quyết định số 13789/QĐ-UBND ngày 30/12/2014, số 13790/QĐ-UBND ngày 30/12/2014, số 11401/QĐ-UBND ngày 31/12/2015, số 8956/QĐ-UBND ngày 11/11/2016, số 9700/QĐ-UBND ngày 09/10/2017, số 922/QĐ-UBND ngày 18/4/2018. Các hộ đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án phê duyệt.

Sau khi nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, có 91 hộ dân ủy quyền cho ông Đỗ Tất A5, bà Lương Thị A6 có đơn đề nghị UBND thành phố VT tính bổ sung khoản chậm trả theo quy định tại Điều 93 Luật Đất đai 2013. Sau khi kiểm tra, rà soát. UBND thành phố VT ban hành Quyết định số 1943/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 về việc phê duyệt phương án bồi thường (đợt 12- tính lãi xuất chậm trả) cho 66 hộ đủ điều kiện, với số tiền 269.844.617 đồng. Ông A5, bà A6 là người được ủy quyền đã nhận đủ số tiền trên.

Sau đó, ông A5, bà A6 tiếp tục có đơn khiếu nại Quyết định số 1943/QĐ-UBND nêu trên, các hộ không đồng ý về cách tính số ngày chậm trả (tính sau 30 ngày kể từ ngày phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ), mà cho rằng: Số ngày chậm trả phải tính sau 30 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định thu hồi đất. Chủ tịch UBND thành phố VT đã thụ lý, giải quyết tại Quyết định số 1220/QĐ-UBND ngày 06/5/2020 (lần đầu).

Xem xét hồ sơ thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ cho thấy: UBND thành phố VT ban hành quyết định thu hồi đất ngày 26/6/2012 (thời điểm Luật Đất đai 2003 có hiệu lực thi hành), nhưng chưa duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (thời điểm Luật Đất đai 2013 có hiệu lực thi hành).

Theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định đối với trường hợp đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt trước ngày 01/7/2014: *“Đối với dự án thuộc trường hợp thu hồi đất quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai, chủ đầu tư đủ điều kiện quy định tại Khoản 3 Điều 58 của Luật Đất đai thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép tiếp tục lập, thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Luật Đất đai năm 2013”*. UBND thành phố VT đã thực hiện lập, ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Luật Đất đai 2013.

Nội dung Người khiếu nại đề nghị xác định số ngày chậm trả tiền bồi thường, hỗ trợ tính từ sau 30 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định thu hồi đất theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 93 Luật Đất đai 2013: Quy định này chỉ áp dụng đối với dự án đầu tư có quyết định thu hồi đất và có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt theo quy định tại Khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai 2013; Luật Đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành không đề cập đến việc tính toán tiền chậm trả cho người có đất bị thu hồi đối với dự án đầu tư đã có quyết định thu hồi đất trước ngày 01/7/2014 nhưng chưa có phương

án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt trước ngày 01/7/2014. Trong khi đó, Luật Đất đai 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành không có quy định cụ thể mốc tính thời gian phải thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất bị thu hồi sau khi có quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường chậm theo điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 197/NĐ-CP ngày 03/12/2004 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất có quy định nếu bồi thường chậm do cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường gây ra mà giá đất tại thời điểm bồi thường do UBND cấp tỉnh công bố cao hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi đất thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm chi trả tiền bồi thường.

Phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ (từ tháng 12/2014 đến tháng 4/2018) được tính toán, phê duyệt theo đơn giá tại thời điểm phê duyệt (cao hơn giá đất năm 2012). Vì vậy, quyền lợi của các hộ đã được đảm bảo về chính sách bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

UBND thành phố VT phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ có đất bị thu hồi theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ là đúng quy định. Việc ông Đỗ Tất A5, bà Lương Thị A6, tổ 6, khu Bảo Đà, phường DL (đồng thời nhận ủy quyền của 91 hộ dân phường DL) đề nghị xác định lại số ngày tính chậm trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân tính từ sau 30 ngày, kể từ ngày ban hành Quyết định thu hồi đất của các hộ dân để được bồi thường chậm theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Điều 93 Luật Đất đai 2013 là không có cơ sở.

Do đó, Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ thống nhất với Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch UBND thành phố VT tại Quyết định số 1220/QĐ-UBND ngày 06/5/2020.

Đối với nội dung khởi kiện của ông Đỗ Tất A và ông Đỗ Tất A1, yêu cầu Tòa án hủy bỏ Quyết định số 4776 và Quyết định số 4770 của UBND thành phố VT không có trong nội dung giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch UBND thành phố VT tại Quyết định số 1220/QĐ-UBND ngày 06/5/2020 và Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 07/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần 2) của ông Đỗ Tất A5, bà Lương Thị A6, tổ 6, khu Bảo Đà, phường DL, thành phố VT (đồng thời nhận ủy quyền của 91 hộ dân phường DL). Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh không xem xét, giải quyết.

*Với nội dung trên tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 24/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã quyết định:*

Căn cứ khoản 3 Điều 62, Điều 66, Điều 69, Điều 74, Điều 77, Điều 83 của Luật đất đai năm 2013; Điều 99 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013; Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; khoản 1, 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3, 4 Điều 32, Điều 193, điểm g khoản 1 Điều 143 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 12, Điều 14; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Tất A, ông Đỗ Tất A1 về việc:

Hủy Quyết định số: 1943/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 của UBND thành phố VT, tỉnh Phú Thọ về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất Dự án: Khu nhà ở cao cấp VC tại phường DL, thành phố VT (đợt 12- Tính lãi xuất trả chậm).

Hủy Quyết định số: 1220/QĐ-UBND ngày 06/5/2020 của Chủ tịch UBND thành phố VT, tỉnh Phú Thọ về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần 1) của ông Đỗ Tất A5, bà Lương Thị A6, tổ 6, khu Bảo Đà, phường DL, thành phố VT (đồng thời nhận ủy quyền của 91 hộ dân phường DL).

Hủy Quyết định số: 1272/QĐ-UBND ngày 07/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần 2) của ông Đỗ Tất A5, bà Lương Thị A6, tổ 6, khu Bảo Đà, phường DL, thành phố VT (đồng thời nhận ủy quyền của 91 hộ dân phường DL).

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Tất A, ông Đỗ Tất A1 về việc:

Hủy Quyết định thu hồi đất số: 4776/QĐ-UBND ngày 26/6/2012 của UBND thành phố VT, tỉnh Phú Thọ về việc thu hồi 678m<sup>2</sup> đất nông nghiệp của hộ ông Đỗ Tất A.

Hủy Quyết định thu hồi đất số: 4770/QĐ-UBND ngày 26/6/2012 của UBND thành phố VT, tỉnh Phú Thọ về việc thu hồi 251m<sup>2</sup> đất nông nghiệp của hộ ông Đỗ Tất A1.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/3/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ nhận được đơn kháng cáo đề ngày 08/3/2022 của ông Đỗ Tất A và ông Đỗ Tất A1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của ông A và ông A1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Thành A2 là người đại diện theo ủy quyền của ông A và ông A1 khẳng định rút toàn bộ nội dung kháng cáo của ông A1; giữ nguyên nội dung kháng cáo của ông A, nhưng đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Năm 2012 UBND thành phố VT đã có quyết định thu hồi đất, nhưng đến năm 2014 mới có quyết định phê duyệt phương án bồi thường và tiến hành chi trả tiền bồi thường cho ông A; quyết định phê duyệt phương án bồi thường căn cứ Luật Đất đai năm 2013 để bồi thường, nhưng lại không phê duyệt khoản tiền được tính thêm đối với thời gian chậm chi trả theo quy định tại Điều 93 Luật Đất đai năm 2013; UBND thành phố VT đã chấp nhận việc tính thêm khoản tiền do chi trả chậm, nhưng lại chỉ tính thời gian sau 30 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt phương án bồi thường là trái với Điều 93 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, ông A2 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, chấp nhận đơn khởi kiện của ông A.



*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Thành A2 là đại diện theo ủy quyền của ông A1 khẳng định rút toàn bộ nội dung kháng cáo của ông A1, xét thấy việc rút toàn bộ nội dung kháng cáo là tự nguyện, không trái pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 229 Luật Tố tụng hành chính, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông A1.

Đối với kháng cáo của ông A: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông A là có căn cứ, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo của ông Đỗ Tất A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử thấy như sau:

*\* Về thủ tục tố tụng:*

[1] Sau khi Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất thì Tòa án nhận được đơn của ông Nguyễn Thành A2 có nội dung rút kháng cáo. Tuy nhiên, do ông A2 là đại diện theo ủy quyền của cả ông A và ông A1 nên đơn xin rút kháng cáo không thể hiện là rút kháng cáo đối với ông A, hay ông A1. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông A2 khẳng định chỉ rút toàn bộ nội dung kháng cáo của ông A1, việc rút này là thể hiện ý chí của ông A1 vì ông đã được ông A1 ủy quyền để thực hiện các quyền liên quan đến việc giải quyết vụ án, trong đó có quyền kháng cáo và rút kháng cáo. Xét thấy, việc rút kháng cáo của ông A2 là người đại diện theo ủy quyền của ông A1 là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, nên Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị đình chỉ xét xử đối với kháng cáo của ông A1 là có căn cứ.

[2] Về thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là Quyết định số: 1220/QĐ-UBND ngày 06/5/2020 của Chủ tịch UBND thành phố VT về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần 1) của ông Đỗ Tất A5, bà Lương Thị A6, tổ 6, khu BĐ, phường DL, thành phố VT (đồng thời nhận ủy quyền của 91 hộ dân phường DL); Quyết định số: 1272/QĐ-UBND ngày 07/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần 2) của ông Đỗ Tất A5, bà Lương Thị A6 (đồng thời nhận ủy quyền của 91 hộ dân phường DL); Quyết định số: 1943/QĐ-UBND ngày

23/7/2019 của UBND thành phố VT về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất Dự án: Khu nhà ở cao cấp VC tại phường DL, thành phố VT (đợt 12- Tính lãi suất trả chậm); Quyết định số: 4776/QĐ-UBND ngày 26/6/2012 của UBND thành phố VT về việc thu hồi đất nông nghiệp của hộ ông Đỗ Tất A; Quyết định số: 4770/QĐ-UBND ngày 26/6/2012 của UBND thành phố VT về việc thu hồi đất nông nghiệp của hộ ông Đỗ Tất A1. Đây là các quyết định hành chính cá biệt là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, người ban hành là UBND và Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp tỉnh nên thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Ngày 23/7/2019 UBND thành phố VT ban hành Quyết định số 1943/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất Dự án (đợt 12- Tính lãi xuất trả chậm); không đồng ý với Quyết định này Ông Đỗ Tất A5 và bà Lương Thị A6 (đại diện cho 91 hộ dân) có đơn khiếu nại; ngày 06/5/2020 của Chủ tịch UBND thành phố VT ban hành quyết định số 1220 về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần 1), ngày 07/6/2021 Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ ban hành Quyết định 1272 về việc giải quyết khiếu nại lần 2. Ngày 30/6/2021 ông Đỗ Tất A và ông Đỗ Tất A1 có đơn khởi kiện là đang trong thời hạn một năm, nên đang còn thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện bổ sung yêu cầu khởi kiện là đề nghị xem xét đến Quyết định số: 4776/QĐ-UBND ngày 26/6/2012; Quyết định số: 4770/QĐ-UBND ngày 26/6/2012. Đây là những quyết định thu hồi đất đối với hộ gia đình ông A và ông A1. Tuy nhiên, xét việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các hộ dân không có khiếu nại; nội dung giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố VT và Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ không liên quan đến nội dung hai quyết định này; hai quyết định này được ban hành vào ngày 26/6/2012 nhưng đến năm 2021 ông A, ông A1 mới có yêu cầu khởi kiện là đã quá thời hạn một năm, các đương sự không chứng minh được do trở ngại khách quan, hoặc do trường hợp bất khả kháng nên theo quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính thì thời hiệu khởi kiện đã hết. Lẽ ra trong trường hợp này Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý, giải quyết nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn thụ lý và tại bản án sơ thẩm vẫn xem xét nhận định đến nội dung của các quyết định này, đồng thời cho rằng không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện là chưa đúng. Tuy nhiên, đã đình chỉ việc giải quyết là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật; nhưng cấp sơ thẩm cũng cần rút kinh nghiệm.

[4] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án và sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tòa cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện trong vụ án đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, theo quyết định số 1943 thì UBND thành phố VT phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho các hộ gia đình, trong đó có gia đình ông A và gia đình ông A1; tại thời điểm thu hồi đất thì ngoài ông A, ông A1 còn có các thành viên của hộ gia đình

(như vợ, các con) nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã không đưa họ vào tham gia tố tụng là thiếu sót, nhưng tại cấp phúc thẩm Hội đồng xét xử đã lấy lời khai để xem xét yêu cầu của họ, quyền và lợi ích hợp pháp của những người này cũng giống như quyền lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, và người khởi kiện có kháng cáo cũng bao gồm quyền lợi của những người liên quan. Do đó, cấp phúc thẩm đã xem xét là đã đảm bảo được quyền lợi ích cho họ, nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại; nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cũng cần nghiêm túc rút kinh nghiệm. Tại phiên tòa một số đương sự vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền có mặt, hoặc đã có đơn xin xét xử vắng mặt, hoặc đã được triệu tập hợp lệ theo quy định nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng với quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 157; điểm b khoản 2 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

*\* Về nội dung:*

[5] Xét Quyết định số: 1943/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 của UBND thành phố VT, thấy: Dự án Khu nhà ở cao cấp VC đã được UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 theo Quyết định số 1991/QĐ-UBND ngày 23/9/2011; Dự án thuộc danh mục phát triển kinh tế xã hội và lựa chọn chủ đầu tư căn cứ theo quy định của Luật Xây dựng năm 2003, Luật Nhà ở năm 2005, Luật Quy hoạch đô thị năm 2009, Luật sửa đổi, bổ sung các luật có liên quan đến đầu tư, xây dựng cơ bản năm 2009 và văn bản hướng dẫn thi hành các luật này. Việc sử dụng đất để thực hiện dự án Khu nhà ở cao cấp VC phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2011- 2020) của tỉnh Phú Thọ đã được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số: 40/NQ-CP ngày 28/3/2013; thuộc danh mục dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng phải thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ thông qua tại Nghị quyết số: 08/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014. Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện dự án tại Công văn số: 1484/TTg-KTN ngày 23/9/2013. Tính hợp pháp của Dự án Khu nhà ở cao cấp VC cũng đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường kết luận tại Văn bản số: 4043/BTNMT-TCQĐĐ ngày 28/9/2015. Do đó, ngày 26/6/2012 UBND thành phố VT đã ban hành quyết định thu hồi đất theo Luật Đất đai năm 2003. Như vậy, việc triển khai thực hiện dự án là đúng với quy định của pháp luật; quá trình triển khai thu hồi đất ông A đồng thuận với chủ trương, nên không có khiếu nại gì về việc thu hồi đất. Tuy nhiên, đến ngày 30/12/2014 UBND thành phố VT mới ban hành Quyết định số 13790/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (lần 1) và ngày 31/12/2015 ban hành Quyết định số 1146/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (lần 4). Do đó, đây thuộc trường hợp UBND cấp có thẩm quyền thu hồi đất theo Luật đất đai năm 2003, nhưng đến trước thời điểm ngày 01/7/2014 chưa có phương án bồi thường, hỗ trợ, nên UBND thành phố VT ban hành các quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất là đúng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; đồng thời theo Luật đất đai năm 2003 không quy định quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường,

hỗ trợ và tái định cư được ban hành trong cùng một ngày; cũng không có quy định cụ thể thời điểm phải chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi sau khi có quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; không có quy định về khoản tiền thanh toán thêm nếu chậm chi trả. Hơn nữa, theo quy định tại thời điểm thu hồi đất của ông A thì giá đất để áp dụng cho việc bồi thường là 29.800đ/m<sup>2</sup>, nhưng khi ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường thì UBND thành phố VT đã áp dụng mức giá tại thời điểm bồi thường là 37.400đ/m<sup>2</sup> để bồi thường cho ông A là đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 197/NĐ-CP ngày 03/12/2004 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và thực tế mặc dù đã có quyết định thu hồi đất nhưng chủ sử dụng đất vẫn sử dụng đất cho đến khi nhận tiền bồi thường, nên quyền lợi ích của ông A đã đảm bảo. Do đó, việc tính lãi suất chậm chi trả sau 30 ngày kể từ ngày phê duyệt phương án, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư là có cơ sở, nên Quyết định số: 1943/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 của UBND thành phố VT là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[6] Đối với Quyết định số: 1220/QĐ-UBND ngày 06/5/2020 của Chủ tịch UBND thành phố VT trả lời khiếu nại (lần 1), thấy: Không đồng ý với Quyết định số: 1943/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 của UBND thành phố VT ông Đỗ Tất A5 và bà Lương Thị A6 đại diện cho các hộ dân (trong đó có ông A, ông A1) đã có đơn khiếu nại; Chủ tịch UBND thành phố VT đã thụ lý đơn khiếu nại và tiến hành xác minh nội dung khiếu nại, tổ chức đối thoại với người đại diện cho người khiếu nại vào ngày 04/5/2020. Căn cứ kết quả xác minh nội dung khiếu nại như đã phân tích ở trên thì thấy việc UBND thành phố VT ban hành Quyết định số 1943 là đúng quy định của pháp luật, nên khiếu nại của các hộ dân không có căn cứ chấp nhận. Do đó, Chủ tịch UBND thành phố VT đã ban hành Quyết định số 1220 để giải quyết khiếu nại của các hộ dân, đã không chấp nhận khiếu nại là đúng quy định tại Điều 17, 18 Luật Khiếu nại 2011; Điều 74, 83 Luật đất đai 2013; Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015.

[7] Đối với Quyết định số: 1272/QĐ-UBND ngày 07/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ trả lời khiếu nại lần 2, thấy: Không đồng ý với Quyết định số 1220 của Chủ tịch UBND thành phố VT, ông Đỗ Tất A5 và bà Lương Thị A6 tiếp tục có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ. Sau khi nhận được đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ đã thụ lý đơn, giao cho các cơ quan chuyên môn tiến hành xác minh nội dung khiếu nại; ngày 16/11/2020 tổ chức đối thoại với đại diện người khiếu nại; trên cơ sở báo cáo xác minh và kiến nghị của cơ quan chuyên môn, Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ đã ban hành Quyết định số 1272 về giải quyết đơn khiếu nại của các hộ dân (trong đó có ông A, ông A1). Theo đó, không chấp nhận nội dung đơn khiếu nại, giữ nguyên các quyết định hành chính là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tổng hợp các phân tích trên, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ; quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã xem xét đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của các bên đương sự; tại cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng

cáo của người khởi kiện; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[8] Về án phí phúc thẩm: Người kháng cáo không được chấp nhận kháng cáo, cũng như người kháng cáo nhưng rút kháng cáo tại phiên tòa phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông A là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn án phí, nên miễn án phí cho ông A.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 229; khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính;

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Đỗ Tất A1.
2. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Đỗ Tất A; giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 24/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.
3. Về án phí: ông Đỗ Tất A1 phải chịu 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà ông A1 đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000163, ngày 16/3/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ, xác nhận ông A1 đã nộp đủ án phí; miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông A.
3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### ***Nơi nhận:***

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THA dân sự tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thái Duy Nhiệm**